

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH
QUẢN LÝ GIÁO DỤC
MÃ NGÀNH: 8140114**

*(Ban hành theo Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV, ngày 21/09/2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)*

Nghệ An, 2017

PHẦN I. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Vinh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục vào năm 2017.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), và nhiều phần thưởng cao quý khác

1.1.2. *Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục*

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

- **Tầm nhìn:** Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

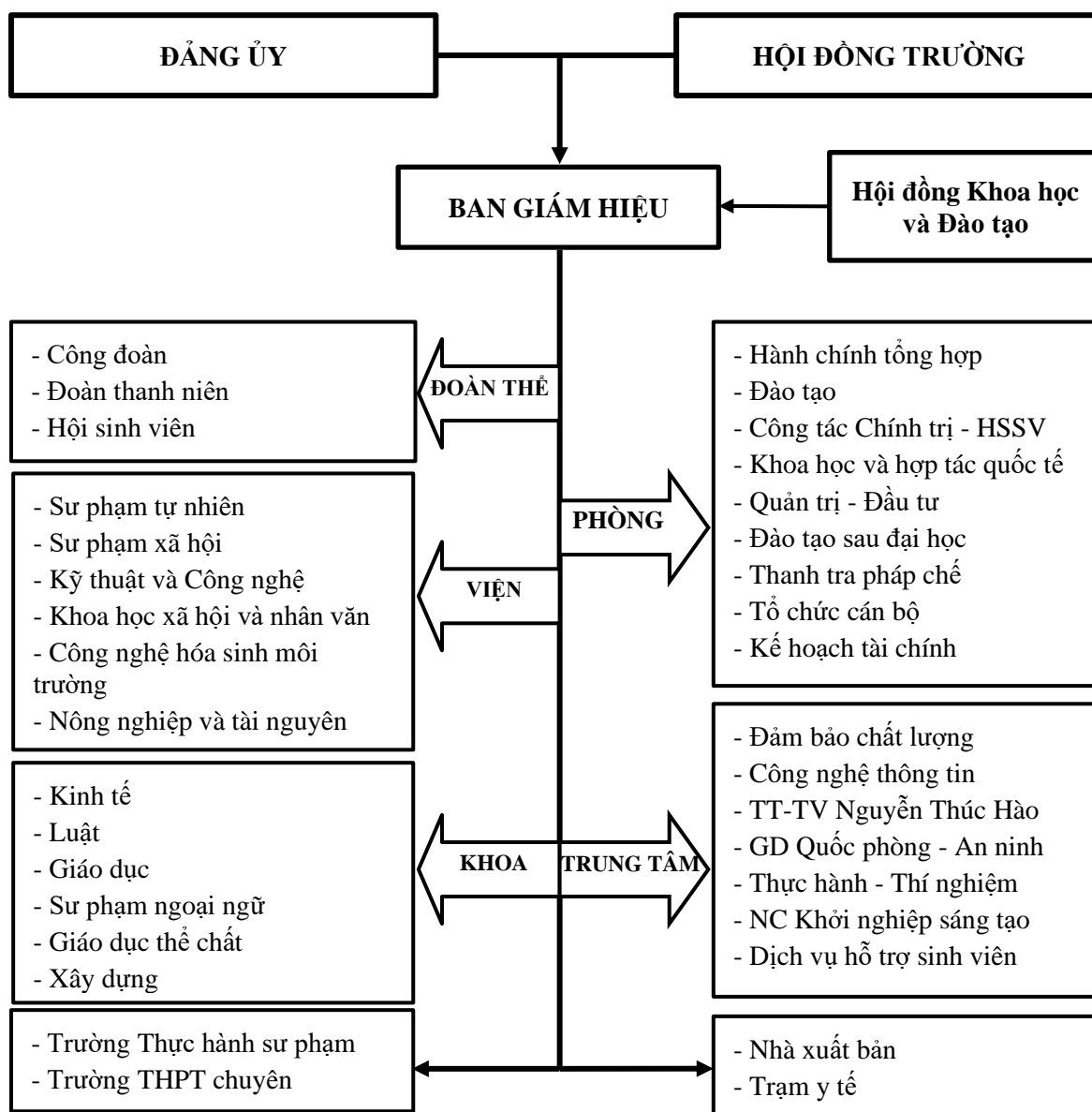
- **Mục tiêu tổng quát:** Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, trách nhiệm, say mê, sáng tạo, hợp tác.

- **Triết lý giáo dục:** Nuôi dưỡng say mê, khuyến khích sáng tạo, tôn trọng khác biệt, thúc đẩy hợp tác.

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh được mô tả như Hình 1.1. Hiện nay, Trường đào tạo 58 ngành trình độ đại học, 37 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.



Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Đại học Vinh hiện có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 714 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 3 giáo sư, 50 phó giáo sư, 284 tiến sĩ, 502 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; công bố trên 2.000 bài báo ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

1.2. Khoa Giáo dục

Khoa Giáo dục của Trường Đại học Vinh được thành lập từ năm 1995. Hiện nay khoa đang đảm nhận đào tạo 3 ngành học: Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non và Quản lý giáo dục. Ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Vinh bắt đầu đào tạo từ năm học 1998 - 1999. Trải qua hai thập kỉ đào tạo, ngành Quản lý giáo dục đã cung cấp cho xã hội hàng ngàn giáo viên, chuyên viên quản lý có trình độ đại học, thạc sĩ, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển Giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

1.3. Ngành Quản lý giáo dục

Ngày 16 tháng 7 năm 1959 Bộ Giáo dục ra Quyết định số 375/QĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh (ngày nay là Trường Đại học Vinh). Ngay sau khi Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập và bắt đầu vận hành, Bộ môn Tâm lý học và Giáo dục học (tiền thân của Khoa Giáo dục) được thành lập và đi vào hoạt động. Đứng trước nhu cầu và bối cảnh về người học có nhu cầu học lên cao chuyên ngành Quản lý Giáo dục, Khoa đã xây dựng Đề án mở mã ngành và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đề án. Chương trình Quản lý giáo dục bắt đầu được đào tạo từ năm 1999. Ngành học ra đời đã đáp ứng được nhu cầu học tập của đông đảo cán bộ và học viên, góp phần tích cực trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nước nhà.

PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

| | | |
|-----|-------------------------------------|---------------------------|
| 1. | Tên ngành: | Quản lý giáo dục |
| 2. | Mã số ngành đào tạo: | 8140114 |
| 3. | Trình độ đào tạo: | Thạc sĩ |
| 4. | Thời gian đào tạo: | 2 năm |
| 5. | Tên văn bằng sau tốt nghiệp: | Thạc sĩ Khoa học giáo dục |
| 6. | Đơn vị được giao nhiệm vụ: | Khoa Giáo dục |
| 7. | Hình thức đào tạo: | Chính quy – Tập trung |
| 8. | Ngôn ngữ sử dụng: | Tiếng Việt |
| 9. | Ngày tháng ban hành: | 05/08/2017 |
| 10. | Phiên bản chỉnh sửa: | Phiên bản 1 |

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục giúp học viên tốt nghiệp trở thành những công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; với các phẩm chất và năng lực cần thiết để sẵn sàng làm việc và thích ứng trong môi trường giáo dục phù hợp; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục cung cấp kiến thức kiến thức cơ bản và lập luận ngành vào lĩnh vực giáo dục đào tạo và quản lý giáo dục. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục có các kiến thức chuyên sâu, nắm bắt các kiến thức công nghệ mới về khoa học giáo dục nâng cao kỹ năng nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành, rèn luyện phẩm chất cá nhân, vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp vào hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục; rèn luyện năng lực giao tiếp, ứng dụng ICT và làm việc nhóm hiệu quả với các cá nhân, tổ chức xã hội trong hoạt động quản lý giáo dục. Ngoài ra, hình thành và

phát triển kỹ năng thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

2.3. Kiến thức và kỹ năng trang bị cho người học

2.3.1. Kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về Triết học.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh cấp độ B1 tiêu chuẩn châu Âu.

2.3.2. Kỹ năng

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một số vấn đề học thuật và thực tiễn thuộc chuyên ngành Quản lý giáo dục;
- Bước đầu có khả năng độc lập trong công tác nghiên cứu, biết vận dụng các kiến thức cơ sở về Quản lý giáo dục để giải quyết những bài toán theo nhu cầu cuộc sống, góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế
- Có khả năng phối hợp nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học ở trong nước và ngoài nước, đặc biệt tham gia vào các đề tài, chương trình nghiên cứu của Quốc gia.
- Có khả năng báo cáo tại các seminar, hội thảo, hội nghị trong lĩnh vực Quản lý giáo dục nói chung.

2.3.3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân, trung thành với Tổ quốc và nhân dân;
- Tư cách đạo đức cá nhân tốt, có lối sống lành mạnh, văn minh, giản dị và khiêm tốn, tận tụy với công việc được giao, trung thực trong chuyên môn và trong cuộc sống;
- Không ngừng phấn đấu cho sự tiến bộ của tập thể và bản thân trong khoa học;
- Thực hiện tốt các chức năng xã hội của giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước.

2.4. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học về ngành Quản lý giáo dục tại các trường đại học, cao đẳng, các trường phổ thông;
- Có thể làm việc tại Viện Khoa học Giáo dục, các sở giáo dục và đào tạo, sở khoa học và công nghệ cũng như các cơ quan khác của Nhà nước;
- Có khả năng học tiếp bậc đào tạo tiến sĩ các chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực Quản

lý giáo dục.

2.5. Tuyển sinh

Tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được thực hiện theo Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh.

2.5.1. Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- *Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm:* Thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- *Số lần tuyển sinh:* Mỗi năm tổ chức 2 lần tuyển sinh.

- *Địa điểm tổ chức tuyển sinh:* Trụ sở của Trường Đại học Vinh (182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An) đã được ghi trong hồ sơ đăng kí mở chuyên ngành và các địa điểm ngoài Trường đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ; việc tổ chức thi tuyển sinh ngoài địa điểm chính phải được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Các quy định về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh.

2.5.2. Các môn thi tuyển

- Thí sinh thi tuyển đầu vào CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục gồm ba môn:

(i) Môn Giáo dục học;

(ii) Môn Logic học;

(iii) Ngoại ngữ (Tiếng Anh).

- Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn tiếng Anh:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ giáo dục và Đào tạo về chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng trường Đại học Vinh

quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng phải tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

+ Thí sinh là người nước ngoài có quy định riêng điều kiện ngoại ngữ về việc xét tuyển đầu vào trình độ thạc sĩ.

2.5.3. Ngành đúng, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục

Danh mục ngành đúng, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục bao gồm:

| Chuyên ngành | Ngành đúng | Ngành gần | Ngành khác |
|------------------|---|--|---|
| Quản lý giáo dục | Quản lý giáo dục 7140114 Giáo dục học 7140101 | Các ngành Đào tạo giáo viên, các mã ngành: 71402 | Tâm lý học, mã ngành: 7310401 Tâm lý học giáo dục, mã ngành: 7310403 Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân, mã ngành: 7860111 Quản lý văn hoá, mã ngành: 7220342 Quản lý thể dục thể thao, mã ngành: 720343 Quản lý nhà nước, mã ngành: |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p>7310205 Các ngành Quản trị – Quản lý, các mã ngành: 723404 Quản lý xây dựng, mã ngành: 52580302 Một số còn lại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học, ban hành theo Thông tư Số: 15/VBHN- BGDDĐT, ngày 08/ 5/2014, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> |
|--|--|--|---|

2.5.4. Học bổ túc kiến thức

2.5.4.1. Đối với ngành gần

| Ngành gần | Học phần bổ túc | Số tín chỉ bổ túc |
|--|-------------------------------------|------------------------------|
| Các ngành Đào tạo giáo viên, các mã ngành: 71402 | 1. Đại cương quản lý giáo dục | 2 |
| | 2. Tâm lý học quản lý | 2 |
| | 3. Phát triển chương trình giáo dục | 2 |

2.5.4.2. Đối với ngành khác

| Ngành khác | Học phần bổ túc | Số tín chỉ bổ túc |
|---|-------------------------------------|----------------------|
| Tâm lý học, mã ngành: 7310401 | 1. Đại cương quản lý giáo dục | 2 |
| | 2. Tâm lý học quản lý | 2 |
| Tâm lý học giáo dục, mã ngành: 7310403 | 3. Phát triển chương trình giáo dục | 2 |
| | 4. Giáo dục học | 2 |
| Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân, mã ngành: 7860111 | 5. Hệ thống giáo dục quốc dân | 2 |
| Quản lý văn hoá, mã ngành: 7220342 | | |
| Quản lý thể dục thể thao, mã ngành: 720343 | | |
| Quản lý nhà nước, mã ngành: 7310205 | | |
| Các ngành Quản trị – Quản lý, các mã ngành: 723404 | | |
| Quản lý xây dựng, mã ngành: 52580302 | | |
| Một số còn lại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học, ban hành theo Thông tư Số: 15/VBHN-BGDĐT, ngày 08/5/2014, của Bộ Giáo dục và Đào tạo | | |

2.5.5. Đối tượng dự tuyển

Đối tượng dự thi vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý

giáo dục là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

- *Về văn bằng:*

(i) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục;

(ii) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Quản lý giáo dục và đã học bổ sung kiến thức;

(iii) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo đúng quy định hiện hành.

- *Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:* Thí sinh tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; thí sinh tốt nghiệp loại trung bình phải qua một năm thực tiễn kinh nghiệm sau khi tốt nghiệp đại học.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Vinh.

2.5.6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

- *Đối tượng ưu tiên:*

(i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế xét tuyển đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

(ii) Thương binh, người hưởng chính sách thương binh;

(iii) Con liệt sĩ;

(iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

(v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương theo quy định;

(vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

- *Mức ưu tiên:* Những thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên trên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn tiếng Anh và 1 điểm cho môn cơ bản.

2.5.7. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt ít nhất 50% số điểm của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi cộng điểm ưu tiên, nếu có).
- Căn cứ chỉ tiêu đã được thông báo, tổng điểm hai môn thi gồm Logic học và Giáo dục học, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh xác định phương án điểm trúng tuyển.
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Thí sinh là nữ ưu tiên về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới; (ii) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

2.6. Điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành CTĐT, có điểm trung bình chung các học phần trong CTĐT đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).
- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt yêu cầu.
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường Đại học Vinh.

2.7. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được thực hiện theo Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh.

Điều kiện tốt nghiệp bao gồm:

- (i) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn tại Mục 2.6;
- (ii) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (thang điểm 10);
- (iii) Đã nộp luận văn và được Hội đồng đánh giá luận văn đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn

đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đồng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường Đại học Vinh;

- (iv) Đã công bố công khai luận văn trên trang thông tin điện tử của Trường;
- (v) Các điều kiện khác do Trường Đại học Vinh quy định.

PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được xây dựng theo hình thức đào tạo theo tín chỉ. Chương trình đào tạo có thời gian đào tạo tối đa 24 tháng được phân thành 4 học kỳ. Các học phần được phân loại theo dạng các học phần chung, các học phần cơ sở ngành bắt buộc, các học phần cơ sở ngành tự chọn, các học phần chuyên ngành bắt buộc, các học phần chuyên ngành tự chọn và luận văn tốt nghiệp. Số lượng tín chỉ của các nhóm học phần được mô tả trong Bảng 3.1.

Bảng 3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

| TT | Nhóm học phần | Tín chỉ | | | |
|-------------|-----------------------|-----------|-------------|-----------|----------|
| | | Số lượng | % | Bắt buộc | Tự chọn |
| 1 | Học phần chung | 2 | 6,9% | 2 | 0 |
| 2 | Học phần cơ sở ngành | 8 | 27,6% | 4 | 4 |
| 3 | Học phần chuyên ngành | 4 | 13,8% | 2 | 2 |
| 4 | Luận văn tốt nghiệp | 15 | 51,7% | 15 | 0 |
| Tổng | | 29 | 100% | 23 | 6 |

3.2. Các học phần theo khối kiến thức

3.2.1. Các học phần chung

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|------------------------------|--------------------------------|------------|
| Các học phần bắt buộc | | |
| 1 | Triết học <i>Philosophy</i> | 3 |
| 2 | Tiếng Anh <i>English</i> | 3 |
| Tổng số tín chỉ: | | 6 |

3.2.2. Các học phần cơ sở ngành

| TT | Tên học phần | Số TC |
|------------------------------|---|-------|
| Các học phần bắt buộc | | |
| 1 | Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý giáo dục Research methodology in Education management | 3 |
| 2 | Quản lý nguồn lực trong giáo dục Resources management in Education | 3 |

| | | |
|---|---|---|
| 3 | Quản lý giáo dục và quản lý nhà trường Education management and School management | 3 |
| 4 | Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong giáo dục Leading and managing of change in education | 3 |
| <i>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 9 học phần)</i> | | |
| 1 | Những quan điểm tâm lý học hiện đại trong quản lý giáo dục Modern Psychology perspectives in Education management | 3 |
| 2 | Giao tiếp trong quản lý giáo dục Communication in Education management | 3 |
| 3 | Chính sách trong quản lý giáo dục Policy in Education management | 3 |
| 4 | Lý thuyết hệ thống trong QLGD Systematic theory in Education management | 3 |
| 5 | Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục Designing and managing Information system in Education management | 3 |
| 6 | Giáo dục học so sánh Comparative Education | 3 |
| 7 | Kinh tế học giáo dục Economics of Education | 3 |
| 8 | Đánh giá trong QLGD Evaluation in Education management | 3 |
| 9 | Xã hội học giáo dục Sociology of Education | 3 |

3.2.3. Các học phần chuyên ngành

| TT | Tên học phần | Số TC |
|------------------------------|--|-------|
| <i>Các học phần bắt buộc</i> | | |
| 1 | Quản lý chất lượng giáo dục Management of Education quality | 3 |
| 2 | Đổi mới quản lý cơ sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay Innovation in managing Educational institutions in the background | 3 |

| | | |
|---|--|---|
| | of globalization | |
| 3 | Dự báo, quy hoạch và kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục Scheming, forecasting and planning Educational development strategies | 3 |
| Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần) | | |
| 1 | Quản lý dự án phát triển giáo dục Management of Educational development project | 3 |
| 2 | Quản lý phát triển chương trình giáo dục Management of curriculum development | 3 |
| 3 | Thanh tra, kiểm tra trong QLGD Inspection and examining in Education management | 3 |
| 4 | Quản lý giáo dục giá trị và kỹ năng sống Value Education and life skills | 3 |
| 5 | Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường Organisational culture management | 3 |

3.2.4. Luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 15

3.3. Mô tả học phần

3.3.1. Triết học

- Mô tả học phần: Học phần được kết cấu thành 11 chương, trình bày khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và lịch sử triết học Mác - Lênin; trình bày các chuyên đề triết học.

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; giúp người học vận dụng các kiến thức triết học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

3.3.2. Tiếng Anh

- Mô tả học phần: Tiếng Anh là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành và được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khoá đào tạo.

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao

tiếp ở trình độ trung cấp (intermediate level hoặc bằng C), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hoá các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.

3.3.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

- Mô tả học phần: Học phần được thiết kế bao gồm hoạt động thuyết trình của giảng viên mang tính chất giới thiệu cùng với hoạt động tự nghiên cứu, thảo luận của học viên. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Khái quát về khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Các vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học quản lý giáo dục; Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Đề cương nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Viết và bảo vệ một đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục...

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý luận nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục. Trang bị cho học viên một số kỹ năng và kỹ thuật nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục. Ứng dụng vào nghiên cứu một đề tài cụ thể trong lĩnh vực khoa học quản lý giáo dục.

3.3.4. Quản lý giáo dục và quản lý nhà trường

- **Mô tả học phần:** Đây là môn học cơ sở, giúp cho học viên có những kiến thức cơ bản, làm nền tảng cho việc lĩnh hội những kiến thức chuyên ngành.

Kiến thức sẽ trang bị cho học viên: Cung cấp cho học viên những lý luận cơ bản về quản lý, lãnh đạo; quản lý giáo dục và nhà trường; chức năng quản lý, nguyên tắc và phương pháp quản lý giáo dục. Cung cấp cho học viên những lý luận về hệ thống giáo dục quốc dân; hệ thống giáo dục của một số nước trên thế giới; mô hình quản lý giáo dục; mô hình nhà trường; người cán bộ quản lý, vai trò của Hiệu trưởng.... Hình thành ở học viên kỹ năng quản lý giáo dục và quản lý nhà trường; quản lý toàn diện hoạt động của nhà trường; vận dụng lý luận quản lý giáo dục hiện đại vào công tác quản lý; giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên....

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho học viên những lý luận cơ bản về quản lý, lãnh đạo; quản lý giáo dục và nhà trường; chức năng quản lý, nguyên tắc và phương pháp quản lý giáo dục; những lý luận về hệ thống giáo dục quốc dân; hệ thống giáo dục của một số nước trên thế giới; mô hình quản lý giáo dục; mô hình nhà trường; người cán bộ quản lý, vai trò của Hiệu trưởng... Hình thành ở học viên kỹ năng quản lý giáo dục và quản lý

nhà trường; quản lý toàn diện hoạt động của nhà trường; kỹ năng phối hợp với các lực lượng xã hội trong công tác giáo dục. Hình thành ở học viên thái độ, tác phong quản lý khoa học; vận dụng lý luận quản lý giáo dục hiện đại vào công tác quản lý; giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên....

3.3.5. Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong giáo dục

- **Mô tả học phần:** Môn học này bao gồm một số cách tiếp cận cụ thể về sự thay đổi và lãnh đạo, quản lý sự thay đổi trong giáo dục ở VN và một số nước trên thế giới. Từ đó họ thấy được vai trò của lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong giáo dục VN và những định hướng cho công tác lãnh đạo, quản lý sự thay đổi nhà trường trong xã hội hiện đại.

- **Mục tiêu học phần:** Sau khi học xong môn học, học viên có thể: Nhận biết và lý giải được tính cần thiết của sự thay đổi và lãnh đạo, quản lý sự thay đổi nhà trường. Đồng thời tiếp cận xu thế thay đổi giáo dục để phát triển nhà trường trong bối cảnh toàn cầu hoá. Phát triển được kỹ năng nhận biết, phát hiện vấn đề, xác định và lựa chọn công việc và cách làm để lãnh đạo, quản lý sự thay đổi nhà trường. Có ý thức và niềm tin, thái độ tích cực trong việc lãnh đạo và quản lý sự thay đổi để phát triển nhà trường trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập.

3.3.6. Những quan điểm tâm lý học hiện đại trong quản lý giáo dục

- **Mô tả học phần:** Học phần Những quan điểm tâm lý học hiện đại trong quản lý giáo dục thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, với nội dung là những tri thức tâm lý học hiện đại về quản lý, học phần giúp cho học viên có những tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học quản lý, là cơ sở để họ lĩnh hội hệ thống tri thức của các chuyên đề về khoa học quản lý và các khoa học khác liên quan một cách đầy đủ và sâu sắc, góp phần hoàn thiện tay nghề quản lý cho học viên ngành quản lý giáo dục.

- **Mục tiêu học phần** Mục tiêu của học phần là hành thành ở người học Hệ thống tri thức khoa học, hiện đại của tâm lý học quản lý để trên cơ sở đó, họ có khả năng nhìn nhận công tác quản lý một cách tổng thể, toàn diện và sâu sắc hơn. Đặc biệt là nhìn nhận hoạt động quản lý dưới góc độ là một hoạt động có khách thể; Khả năng vận dụng những tri thức đã học để giải thích các sự kiện, hiện tượng thuộc lĩnh vực tâm lý quản lý và lĩnh hội các tri thức hiện đại của khoa học quản lý; Cơ sở tâm lý học cho việc đề xuất, quyết định và thực hiện những tác động đúng đắn tới khách thể quản lý trong các quá trình quản lý giáo dục; Thái độ khoa học, nhân văn đối với khách thể quản lý và những hiện tượng tâm lý nảy sinh trong nhà trường.

3.3.7. Chính sách trong quản lý giáo dục

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần chưa học ở đại học (trừ đại học quản lý giáo dục). Ở trình độ thạc sĩ sẽ học những cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của chính sách trong quản lý giáo dục. Học viên sẽ nắm được những vấn đề cơ bản của chính sách giáo dục của Việt Nam trước 1945, nắm được những quan điểm - mục tiêu - nội dung - giải pháp của chiến lược chính sách giáo dục của đảng Nhà nước, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách của bản thân. Vị trí của môn học trong chương trình đào tạo là cung cấp tri thức, kỹ năng và hình thành năng lực, phẩm chất người cán bộ quản lý giáo dục. Quan hệ với các môn học khác: là môn học cơ sở để học viên tiếp tục học các môn chuyên ngành, đồng thời cũng là cụ thể hoá một số nội dung cụ thể của các môn học cơ sở khác, hỗ trợ cho các môn chuyên ngành.

- **Mục tiêu học phần:** Học viên nắm được những vấn đề cơ bản liên quan tới chính sách trong quản lý giáo dục. Nắm và thực hiện việc xây dựng các chính sách trong quản lý giáo dục.

3.3.8. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục

- **Mô tả học phần:** Môn học có những nội dung chính sau đây:

- + Tổng quan về thông tin và hệ thống thông tin
- + Cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin
- + Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
- + Hạ tầng công nghệ cho hệ thống thông tin
- + Cài đặt hệ thống thông tin quản lý
- + Hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin
- + Các hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục

- **Mục tiêu học phần:** Môn học nhằm giúp học viên biết được những khái niệm cơ bản về thông tin, phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, quản lý hệ thống thông tin, bảo mật thông tin trong quản lý giáo dục, bước đầu làm quen với hệ quản trị cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý giáo dục

3.3.9. Giáo dục học so sánh

- **Mô tả học phần:** Học phần được thiết kế bao gồm hoạt động thuyết trình của giảng viên mang tính chất giới thiệu cùng với hoạt động tự nghiên cứu, thảo luận của học viên. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học so sánh; Tình hình giáo dục của Việt Nam; Tình hình giáo

dục trên thế giới; Một số nền giáo dục tiêu biểu; Giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập; So sánh nền giáo dục của các nước ở một số bình diện... Đây là học phần tuy đã được dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý giáo dục nhưng đối tượng theo học chuyên ngành đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục đa số đều chưa qua chương trình đào tạo cử nhân Quản lý giáo dục. Hơn nữa, so với chương trình đào tạo cử nhân Quản lý giáo dục, học phần này đã có sự nâng cao và mở rộng.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý luận giáo dục so sánh. Trang bị cho học viên một số kỹ năng và kỹ thuật so sánh về giáo dục. Ứng dụng vào so sánh một số nền giáo dục trên thế giới theo để tìm ra những nét tương đồng và khác biệt của chúng.

3.3.10. Kinh tế học giáo dục

- **Mô tả học phần:** Môn học này bao gồm một số vấn đề về tư tưởng kinh tế học giáo dục ở trên thế giới và ở Việt Nam; các khái niệm, nội dung cơ bản của Kinh tế học giáo dục; mối quan hệ giữa kinh tế và giáo dục; vấn đề đầu tư cho giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

- **Mục tiêu học phần:** Sau khi học xong môn học, học viên có thể: Hiểu được mối quan hệ giữa kinh tế và giáo dục, sự cần thiết phải đầu tư cho giáo dục – đào tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và nền kinh tế tri thức. Vận dụng được những kiến thức về kinh tế học giáo dục vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục. Có ý thức và thái độ tích cực trong việc đầu tư, phát triển giáo dục cơ sở mình phụ trách.

3.3.11. Đánh giá trong quản lý giáo dục

- **Mô tả học phần:** Đây là môn học chuyên ngành, giúp cho học viên có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về trắc nghiệm, đánh giá, quản lý công tác đánh giá của giáo viên, góp phần đánh giá đúng năng lực của người học, nâng cao chất lượng giáo dục.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho học viên những lý luận cơ bản về trắc nghiệm, đánh giá; các phương pháp đánh giá giáo viên, học sinh, cơ sở giáo dục; việc áp dụng trắc nghiệm trong các cơ sở giáo dục. Hình thành ở học viên kỹ năng quản lý công tác đánh giá trong nhà trường; đánh giá toàn diện người học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3.3.12. Xã hội học giáo dục

- **Mô tả học phần:** Với nội dung là những tri thức xã hội học và XHH GD hiện đại, môn

học XHH GD có vị trí là cơ sở cho sự lĩnh hội tri thức của các học phần về quản lý giáo dục; góp phần hình thành và hoàn thiện tay nghề quản lý cho học viên ngành Quản lý giáo dục

Trong quá trình học tập chuyên đề, người học cần:

+ Phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong học tập: tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tranh luận, ... về những nội dung của chuyên đề.

+ Những tri thức của chuyên đề có cơ sở là hệ thống tri thức của rất nhiều khoa học khoa học khác nhau như: triết học, tâm lý học, giáo dục học, văn hoá, lịch sử... vì vậy, trong quá trình học tập, học viên phải ôn lại và cập nhật những tri thức liên quan.

+ Chú ý thu thập, tổng kết, đánh giá các kinh nghiệm thực tiễn của bản thân và của người khác, dùng lý luận đã lĩnh hội để phân tích chứng, so sánh, đối chiếu để tìm ra những góc nhìn, những lý giải mới.

+ Trên cơ sở hệ thống tri thức của chuyên đề, có những cách giải thích mới, đề xuất những những ý tưởng mới, hợp lý trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác quản lý giáo dục hiện nay của bản thân.

- **Mục tiêu học phần:** Biết những khái niệm khoa học cơ bản về xã hội học và xã hội học giáo dục. Có khả năng vận dụng những khái niệm đã nắm được vào việc giải thích những hiện tượng giáo dục hiện nay dưới góc độ xã hội học và giải quyết chúng một cách có cơ sở khoa học. Có khả năng tiếp cận sâu hơn về phương diện lý luận trong lĩnh vực xã hội học giáo dục. Có thái độ khách quan, khoa học trước những vấn đề của giáo dục hiện nay.

3.3.13. Quản lý chất lượng giáo dục

- **Mô tả học phần:** Học phần được thiết kế bao gồm hoạt động thuyết trình của giảng viên mang tính chất giới thiệu cùng với hoạt động tự nghiên cứu, thảo luận của học viên. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Chất lượng giáo dục; Quản lý chất lượng giáo dục; Đánh giá chất lượng giáo dục; Kiểm định chất lượng giáo dục đại học

- **Mục tiêu học phần** Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý luận quản lý chất lượng giáo dục. Trang bị cho học viên một số kỹ năng về quản lý chất lượng giáo dục. Ứng dụng kiến thức đã học vào quản lý chất lượng giáo dục ở một bậc học, ngành học.

3.3.14. Đổi mới quản lý cơ sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay

- **Mô tả học phần:** Môn học này gồm những nội dung: Lý do phải đổi mới lãnh đạo và

quản lý cơ sở giáo dục; Những định hướng, các quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục và lựa chọn mô hình quản lý cơ sở giáo dục; Vai trò lãnh đạo, quản lý và những nội dung cơ bản cần thay đổi trong lãnh đạo và quản lý cơ sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

- **Mục tiêu học phần:** Giải thích được tính tất yếu và sự cấp thiết phải đổi mới lãnh đạo, quản lý cơ sở giáo dục trong bối cảnh của nước ta hiện nay; Đề xuất được những định hướng đổi mới và những lĩnh vực cần đổi mới trong lãnh đạo và quản lý cơ sở giáo dục; Có niềm tin và quyết tâm đổi mới lãnh đạo và quản lý các hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục.

3.3.15. Dự báo, quy hoạch và chiến lược phát triển giáo dục

- **Mô tả học phần:** Chuyên đề này bao gồm các nội dung về dự báo trong giáo dục, công tác quy hoạch và phát triển kế hoạch chiến lược trong giáo dục (những khái niệm cơ bản về kế hoạch và kế hoạch chiến lược, quy trình, kỹ năng lập kế hoạch chiến lược phát triển).

- **Mục tiêu học phần:** Chuyên đề này góp phần phát triển tư duy chiến lược cho người học, giúp họ có thể quản lý, lãnh đạo tốt trong điều kiện tăng cường vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục và sự chuyển đổi nhanh chóng của môi trường.

Chuyên đề này cung cấp kiến thức:

- Một số vấn đề cơ bản về dự báo trong giáo dục.
- Những vấn đề cơ bản về quy hoạch và phát triển kế hoạch chiến lược giáo dục.

Sau khi học xong chuyên đề này, học viên sẽ có được những kỹ năng :

- Sử dụng một số phương pháp dự báo trong giáo dục.
- Phân tích và xây dựng quy hoạch phát triển giáo dục.
- Phân tích nội dung và quy trình lập kế hoạch chiến lược cơ sở giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch chiến lược của cơ sở giáo dục: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị, mục tiêu chiến lược, các giải pháp chiến lược cơ bản.

Thái độ: Người học có thái độ đồng tình, ủng hộ, nhất trí, tích cực sử dụng các phương pháp dự báo, phát triển quy hoạch và kế hoạch chiến lược giáo dục trong thực tiễn

3.3.16. Quản lý phát triển chương trình giáo dục

- **Mô tả học phần:** Học phần *Quản lý phát triển chương trình giáo dục* bao gồm những kiến thức lý luận về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và phát triển giáo dục,

sự cần thiết phát triển chương trình giáo dục; các khái niệm liên quan đến phát triển chương trình giáo dục; phân cấp quản lý chương trình; cấu trúc chương trình giáo dục; quy trình phát triển, đánh giá chương trình giáo dục; đổi mới chương trình giáo dục phổ thông ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

- **Mục tiêu học phần:** Nghiên cứu xong chuyên đề này học viên cần đạt được:

- **Hiểu** được kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế xã hội và phát triển giáo dục, các khái niệm cơ bản, quy trình, phân cấp quản lý phát triển chương trình giáo dục.
- **Phân tích** được các vấn đề về quan điểm, đường lối, chính sách phát triển, ý tưởng, kế hoạch trong quá trình quản lý phát triển chương trình giáo dục.
- **Áp dụng** được kiến thức đã học vào giao tiếp, nghiên cứu và làm việc trong nhóm xây dựng chương trình cụ thể.
- **Thiết kế** được kế hoạch của quá trình thực hiện các hoạt động quản lý phát triển chương trình giáo dục **Hình thành** khả năng tự học, tự nghiên cứu trong các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ.

3.3.17. Thanh tra, kiểm tra trong giáo dục

- **Mô tả học phần:** Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, cung cấp hệ thống kiến thức chuyên ngành cho người học về sự cần thiết, mục đích, nhiệm vụ của hoạt động kiểm tra, thanh tra trong giáo dục; vận dụng nghiệp vụ kiểm tra, thanh tra vào các hoạt động của cơ sở giáo dục; hình thành ý tưởng, xây dựng, tổ chức, đánh giá và cải tiến hoạt động kiểm tra, thanh tra giáo dục.

- **Mục tiêu học phần:** Học phần Thanh tra, kiểm tra trong quản lý giáo dục trình bày các kiến thức và kỹ năng về hoạt động kiểm tra, thanh tra; nghiệp vụ kiểm tra nội bộ trường học và thanh tra giáo dục. Người học vận dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua việc lập kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và thanh tra giáo dục; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện các hoạt động kiểm tra, thanh tra ở đơn vị công tác. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành người cán bộ quản lý giáo dục có kỹ năng kiểm tra, thanh tra giáo dục đáp ứng thực tiễn.

3.3.18. Quản lý xây dựng văn hóa nhà trường

- **Mô tả học phần:** Môn học này bao gồm những vấn đề cơ bản về vai trò, tầm quan trọng của văn hoá nhà trường trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GD, vai trò của Hiêu

trường trong việc phát triển văn hoá nhà trường, cách thức phát triển văn hoá nhà trường lành mạnh, tích cực.

- **Mục tiêu học phần:** Sau khi nghiên cứu chuyên đề này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau đây:

Giúp HV hiểu được:

+ Vai trò của văn hoá nhà trường và ảnh hưởng của nó đối với chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường.

+ Vai trò lãnh đạo, phát triển văn hoá nhà trường của cán bộ quản lý

+ Cách thức xây dựng và phát triển văn hoá nhà trường lành mạnh, tích cực.

Xác định được các giá trị cốt lõi của văn hoá nhà trường lành mạnh

Hình thành, rèn luyện cho người học một số kỹ năng cơ bản về xây dựng, phát triển văn hoá nhà trường.

Thể hiện được thái độ, cách ứng xử phù hợp với các chuẩn mực văn hoá nhà trường.

PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ HỖ TRỢ

4.1. Đội ngũ giảng viên

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục có 01 GS.TS, 11 PGS.TS, 15 tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Giáo dục học. Nhiều cán bộ giảng dạy được đào tạo TS tại các nước tiên tiến trên thế giới. Đội ngũ CBGD của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục đã công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế và các kỷ yếu hội thảo quốc tế và đã thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ và cấp Trường. Đội ngũ giảng viên của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục như mô tả trong Bảng 4.1.

Bảng 4.1. Đội ngũ giảng viên chuyên ngành Quản lý Giáo dục

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại | Chức danh khoa học, năm phong | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Ngành, chuyên ngành | Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1. | Nguyễn Như An Trưởng bộ môn | | TS | | Đánh giá trong giáo dục Dự báo, quy hoạch và kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục Quản lý phát triển chương trình giáo dục |
| 2. | Dương Thị Thanh Thanh | | TS | Tâm lý học | Quản lý nguồn lực trong giáo dục Những quan điểm tâm lý học hiện đại trong quản lý giáo dục Giao tiếp trong quản lý giáo dục |

| | | | | |
|----|------------------|-----|----|--|
| 3. | Thái Văn Thành | PGS | TS | <p>Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý giáo dục</p> <p>Quản lý giáo dục và quản lý nhà trường</p> <p>Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong giáo dục</p> <p>Đánh giá trong QLGD</p> <p>Đổi mới quản lý cơ sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay</p> |
| 4. | Nguyễn Thị Hương | PGS | TS | <p>Quản lý giáo dục và quản lý nhà trường</p> <p>Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong giáo dục</p> <p>Kinh tế học giáo dục</p> <p>Quản lý giáo dục giá trị và kỹ năng sống</p> <p>Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường</p> |
| 5. | Nguyễn Thị Nhân | | TS | <p>Kinh tế học giáo dục</p> <p>Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường</p> |

| | | | | |
|-----|---------------------|-----|-----|---|
| 6. | Phạm Minh Hùng | PGS | TS | <p>Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý giáo dục</p> <p>Quản lý chất lượng giáo dục</p> <p>Quản lý dự án phát triển giáo dục</p> <p>Quản lý giáo dục giá trị và kỹ năng sống</p> |
| 7. | Phạm Lê Cường | | TS | <p>Quản lý chất lượng giáo dục</p> <p>Đổi mới quản lý cơ sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay</p> <p>Thanh tra, kiểm tra trong QLGD</p> |
| 8. | Nguyễn Thị Thu Hằng | | NCS | <p>Quản lý dự án phát triển giáo dục</p> |
| 9. | Nguyễn Thị Mỹ Trinh | PGS | TS | <p>Thanh tra, kiểm tra trong QLGD</p> |
| 10. | Nguyễn Bá Minh | PGS | TS | <p>Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục</p> <p>Dự báo, quy hoạch và kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục</p> |

| | | | | | |
|-----|-------------------------|-----|----|------------|---|
| 11. | Đinh Xuân Khoa | PGS | TS | | Đổi mới quản lý cơ sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay Quản lý dự án phát triển giáo dục |
| 12. | Lê Thục Anh | | TS | Tâm lý học | Đánh giá trong QLGD Xã hội học giáo dục |
| 13. | Cao Danh Chính | | TS | | Giáo dục học so sánh |
| 14. | Nguyễn Ngọc Hiếu | | TS | | Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục |
| 15. | Nguyễn Thị Phương Nhung | | TS | | Giáo dục học so sánh |
| 16. | Ngô Sỹ Tùng | PGS | TS | | Lý thuyết hệ thống trong QLGD |
| 17. | Hoàng Thị Minh Phương | PGS | TS | | Chính sách trong quản lý giáo dục |
| 18. | Phan Quốc Lâm | | TS | | Quản lý nguồn lực trong giáo dục Những quan điểm tâm lý học hiện đại trong quản lý giáo dục Giao tiếp trong quản lý giáo dục Xã hội học giáo dục |

| | | | | | |
|-----|------------------|-----|----|--|-----------------------------------|
| 19. | Nguyễn Văn Tú | PGS | TS | | Chính sách trong quản lý giáo dục |
| 20. | Nguyễn Tiến Dũng | | TS | | Lý thuyết hệ thống trong QLGD |

4.2. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Bảng 4.2. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ học viên chuyên ngành Quản lý giáo dục

| TT | Họ và tên, chức vụ hiện tại | Nhiệm vụ | Trình độ | Đơn vị |
|----|--|--|----------|-------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Phương Thảo Chuyên viên | Quản lý sinh viên, học viên | | Khoa Giáo dục |
| 2 | Đặng Thị Tình Chuyên viên | Cán bộ văn phòng | | Khoa Giáo dục |
| 3 | Nguyễn Tiến Cường Chuyên viên | - Theo dõi hoạt động đào tạo thạc sĩ. - Quản lý hệ quản lý học tập, phần mềm quản lý người học, cơ sở dữ liệu giảng viên và người học, website của Phòng. - Phối hợp tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh thạc sĩ. | Tiến sĩ | Phòng Sau đại học |
| 4 | Trần Việt Dũng Chuyên viên | Quản lý hồ sơ tuyển sinh | Thạc sĩ | Phòng Sau đại học |
| 5 | Lê Trần Nam Chuyên viên | Quản lý HSSVCQ HV bao gồm công tác | Thạc sĩ | Phòng CTCT-HSSV |

| | | | | |
|----|--|---|---------|--|
| | | tuyển sinh, nhập học; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật người học; lấy ý kiến người học; phần mềm quản lý. | | |
| 6 | Trần Đình Diệu Chuyên viên | Quản lý, theo dõi học phí của người học. | Thạc sĩ | Phòng Kế hoạch – Tài chính |
| 7 | Nguyễn Bắc Giang Chuyên viên | Quản lý, theo dõi học phí của người học. | Thạc sĩ | Phòng Kế hoạch – Tài chính |
| 8 | Vũ Chí Cường Giám đốc TT CNTT | Hỗ trợ hệ thống elearning | Tiến sĩ | Trung tâm CNTT |
| 9 | Lê Văn Tấn P. Giám đốc TT CNTT | Hỗ trợ hệ thống quản lý điểm | Thạc sĩ | Trung tâm CNTT |
| 10 | Nguyễn Tuấn Nghĩa Chuyên viên | Hỗ trợ hệ thống quản lý điểm | Thạc sĩ | Trung tâm CNTT |
| 11 | Nguyễn Thị Hương Trà Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL | Quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng | Thạc sĩ | Trung tâm Đảm bảo chất lượng |
| 12 | Trần Thị Hằng Chuyên viên | Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến điểm thi của người học, | Thạc sĩ | Trung tâm Đảm bảo chất lượng |
| 13 | Nguyễn Tuấn Minh Kỹ thuật viên | Hỗ trợ học in ấn và lưu trữ đồ án | Thạc sĩ | Trung tâm Thông tin – Thư viện Nguyễn Thúc Hào |
| 14 | Ngô Thị Thúy Lan Chuyên viên | Hỗ trợ học liệu tại thư viện | Thạc sĩ | Trung tâm Thông tin – Thư viện Nguyễn Thúc Hào |
| 15 | Nguyễn Hoàng Hà Y sĩ | Hỗ trợ y tế | Y sĩ | Trạm y tế |

PHẦN V. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

5.1. Giảng đường

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của chuyên ngành Quản lý giáo dục. Hiện tại, Trường có 282 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 52,143m², 9 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1115 m², 36 phòng học máy tính với tổng diện tích 6.280 m². Tất cả các phòng học ở nhà A, B, D (192 phòng) được lắp đặt hệ thống điều hòa và máy chiếu. Hệ thống phòng học được Phòng Quản trị - Đầu tư quản lý bằng hệ thống phần mềm và được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Trường.

5.2. Thư viện

Thư viện Trường được thành lập năm 1959, hiện nay có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”, <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>. Thư viện được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 9.000m² bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 08 kho sách, 06 phòng đọc với 1.800 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các thiết bị để hoạt động gồm bàn ghế, tủ sách và hệ thống thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số, điều hòa, máy photocopy, máy tính, ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học.

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và học viên chuyên ngành Quản lý giáo dục. Thư viện được kết nối Internet, phục vụ dạy, học và NCKH hiệu quả. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ đào tạo, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ... Thư viện đã có hướng dẫn sử dụng thư viện, các quy định liên quan đến hoạt động của thư viện và thời gian sử dụng thư viện hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật). Thư viện có hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian. Hiện nay thư viện có gần 14.500 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện đã thực hiện việc phối hợp,

liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ.

5.3. Môi trường và cảnh quan

Trường có khuôn viên rộng với nhiều cây xanh, đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo thuận lợi để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có các khu giảng đường, khu làm việc của các Khoa/Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu học tập và NCKH của người học. Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho các hoạt động sinh hoạt, vui chơi của người học. Khu hiệu bộ và các Phòng/Trung tâm được bố trí tại tòa nhà 8 tầng với cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, hiện đại. Văn phòng làm việc của Viện được bố trí tại khu nhà A0 gồm 5 tầng gần các giảng đường (nhà A, nhà B và nhà D) và các phòng thực hành - thí nghiệm, tạo thuận lợi cho người học trong quá trình học tập và NCKH.

PHẦN VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- *Thông tư Số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
- *Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.*
- *Quyết định Số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21 tháng 09 năm 2017 về Ban hành Khung chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh.*

Chương trình khung trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục với thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Trên cơ sở khung chương trình, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được hội đồng khoa học thông qua.

- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%;

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

6.1. Đối với bộ môn quản lý chương trình

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;
- Phối hợp với Phòng đào tạo Sau đại học để hướng dẫn học viên đăng ký các học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

6.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên trước một tuần để học viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Tổ chức cho học viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ,

thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học viên viết thu hoạch.

6.3. Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của học viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

6.4. Đối với học viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cán bộ phụ trách ngành để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Huy Bằng